TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2018
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trương Văn Hòa;

+ Bà Trần Thị Thanh Trang.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký Tòa án

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai**:** Ông Đào Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 255/2017/TLST–HNGĐ ngày 18/10/2017 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Thu H - Sinh năm: 1976. Địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: ông Hồ Văn T - Sinh năm: 1969. Địa chỉ: tổ 4, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2017, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H bày:

- Quan hệ hôn nhân: bà và ông T tìm hiểu nhau được 02 năm thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 1996 và đăng ký kết hôn lại vào năm 2003 tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và khi cãi nhau thì ông Thuận thường hay đánh đập bà. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung cháu Hồ Thị Hà U, sinh năm: 1997 và cháu Hồ Trung H, sinh ngày 25/01/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu ông T cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H trưởng thành. Bà có cung cấp phiếu lương (BL 34) có xác nhận của Công ty TNHH Đ thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Theo tự khai, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Hồ Văn Th trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà H về cơ sở kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tuy nhiên, về mâu thuẫn của vợ chồng thì ông cho rằng do hai vợ chồng nóng tính, không ai nhường ai, bất đồng quan điểm sống nên thỉnh thoảng ông cũng có đánh bà H 1 vài tát. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về con chung: khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hồ Trung H, sinh ngày 25/01/2011 và không yêu cầu cấp dưỡng. Ông T có cung cấp phiếu lương có xác nhận của Trung tâm y tế huyện C (BL 36, 37) và theo ông thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa: Quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa thực hiện đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX ghi nhận ý kiến của đương sự. Về con chung: đề nghị giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà H và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Vợ chồng có 02 con chung, khi ly hôn, bà H và ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Trung H, sinh ngày 25/01/2011. Như vậy, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn ông Hồ văn T có HKTT và hiện đang sinh sống tại tổ 4, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (BL 05). Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo bà H, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và có khi đánh nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do hai vợ chồng nóng tính, không ai nhường ai, bất đồng quan điểm sống. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H với ông T, nhận thấy: Mặc dù, bà H và ông T không thống nhất với nhau về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, cả bà H và ông T đều cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là có và đồng ý ly hôn nên HĐXX ghi nhận ý kiến của cả 2 bên là cho bà H và ông T ly hôn với nhau.

- Về con chung: Khi ly hôn, cả bà H và ông T đều có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Trung H, sinh ngày 25/01/2011.

Xét yêu cầu của 02 nhận thấy: bà H, ông T đều có công việc, thu nhập ổn định và cùng cư trú tại tổ 4, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Theo lời khai của cháu Hồ Trung H (BL 24) thì cháu H có nguyện vọng ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo ổn định về tâm lý của cháu cũng như về mặt tinh thần, đồng thời xem xét theo nguyện vọng của cháu H nên giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: khi ly hôn bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu của bà H nhận thấy: Ông T hiện đang công tác tại Trung tâm y tế huyện C và thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng (BL 36, 37). Bà H hiện đang làm tại Công ty TNHH V với thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Và theo quy định pháp luật thì người không trực tiếp nuôi dưỡng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Vậy nên căn cứ trên mức thu nhập của ông T, xét cần buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Trung H số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất bằng 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật HN&GĐ.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ,

- Về tài sản chung, nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: bà Lê Thị Thu H nộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn và ông Hồ Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về cấp dưỡng.

* Về ý kiến của đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 của Bộ luật TTDS; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật HNGĐ năm 2014; Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà Lê Thị Thu H ly hôn với ông Hồ Văn T.

- Về con chung: giao cháu Hồ Trung H, sinh ngày 25/01/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: ông Hồ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hồ Trung H số tiền là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*/tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất bằng 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2/ Về án phí: bà Lê Thị Thu H nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 004209 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Hồ Văn T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST về cấp dưỡng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện CM;
- Thi hành án DS huyện CM;
- UBND xã Q,
Huyện Đ, Lâm Đồng (số 01/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy